CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Nhựa Hà Nội

Ngày 30/09/2024	14,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	-	-

DT thuần
Q3/24
551
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 47.0| 9.3%
YoY: ▲ 62.0| 12.6%

LN thuần
Q3/24
4.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼38.0| -88.8%
YoY: ▼15.4| -76.2%

LN sau thuế
Q3/24
6.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.8| -82.6%
YoY: ▼10.9| -64.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
2.0%
YoY: +/-▼ 7.7%

ROE (TTM)
Q3/24
8.6%
YoY: +/-▼ 0.9%

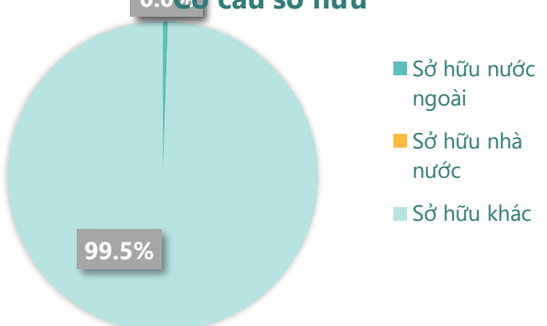
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,750 - 21,898
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,042
Số lượng CPLH (CP)	72,880,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	705,235
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.85
EPS	1,609
P/E	8.9

DT thuần
9T 2024
1,500
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -1.6%

LN thuần
9T 2024
96.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.6| 32.5%

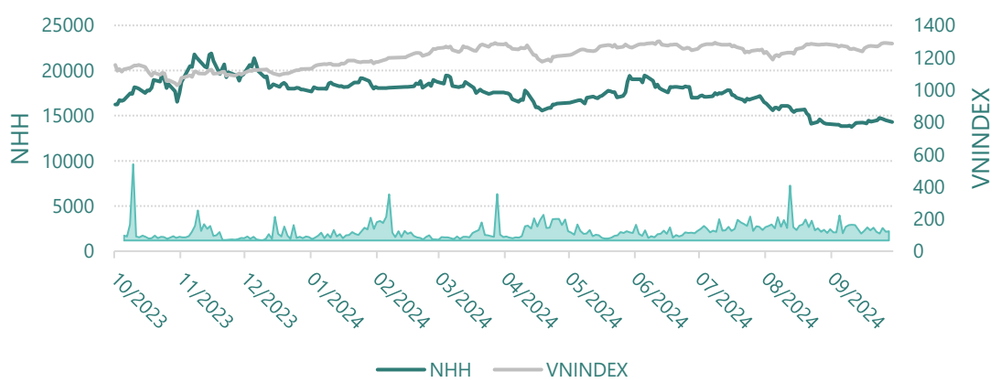
LN sau thuế
9T 2024
81.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.7| 41.0%

Cơ cấu sở hữu

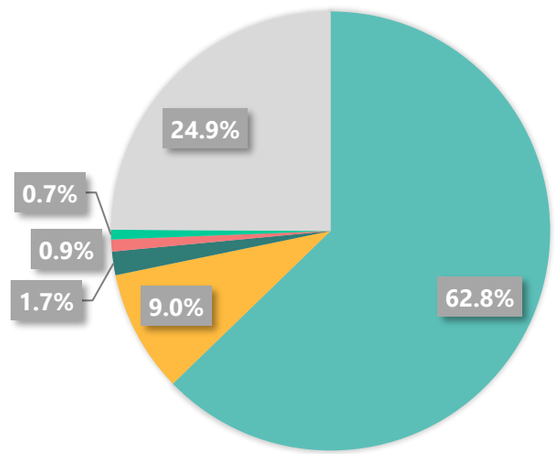


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



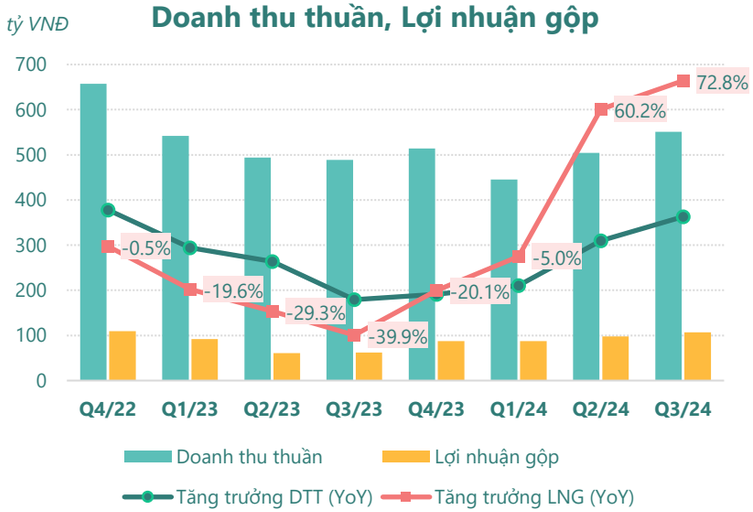
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

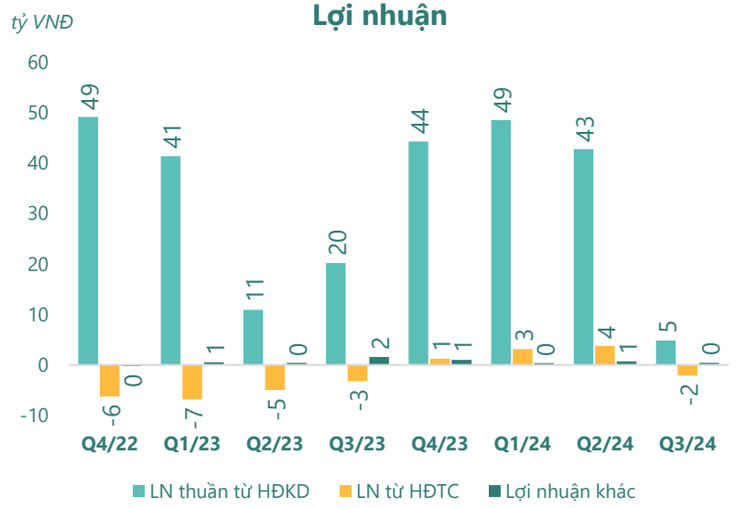
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



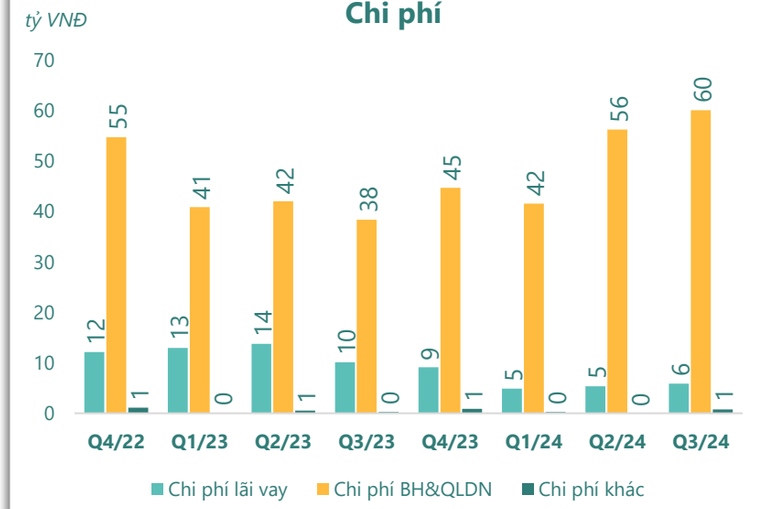
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



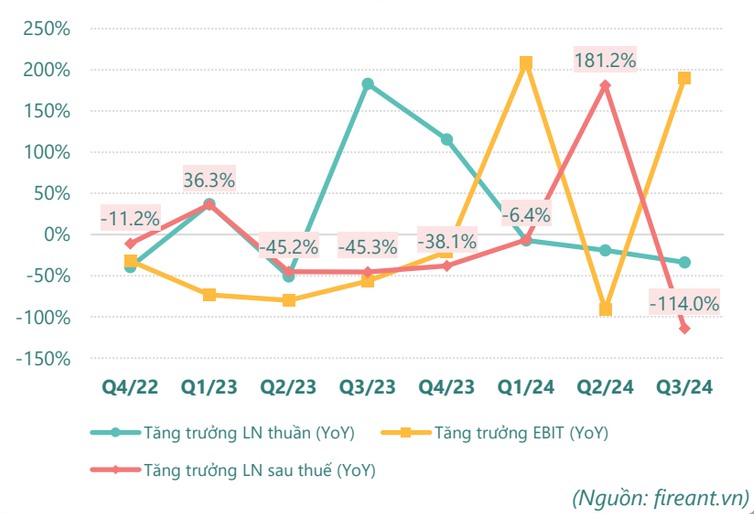
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



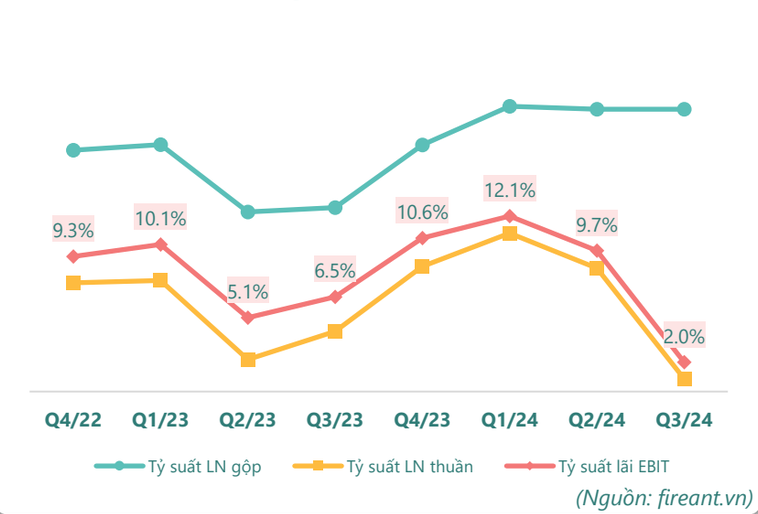
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



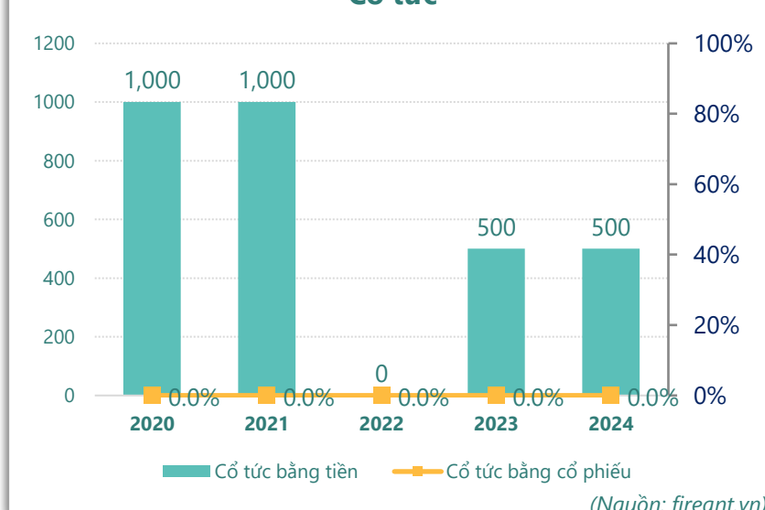
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

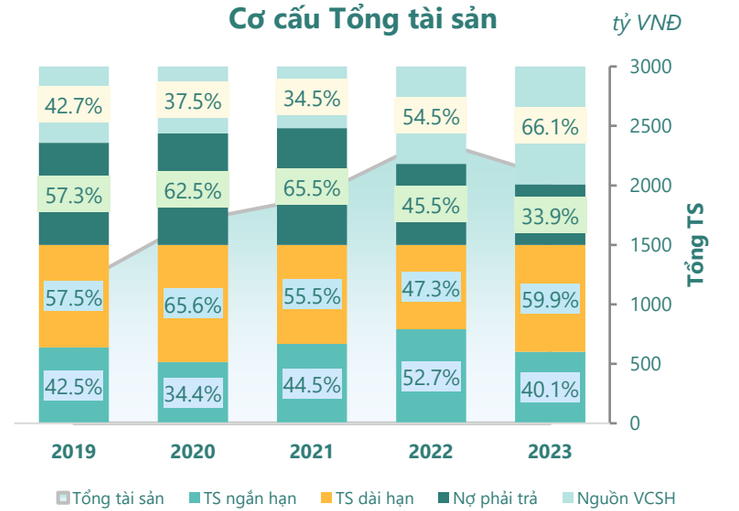
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

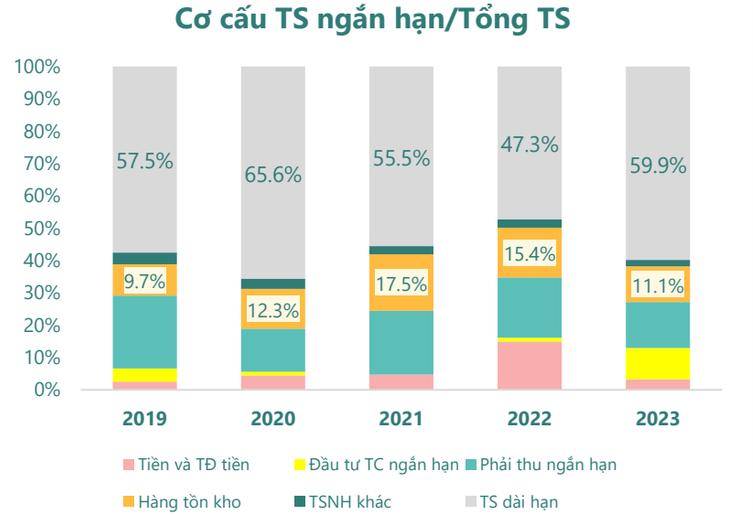
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



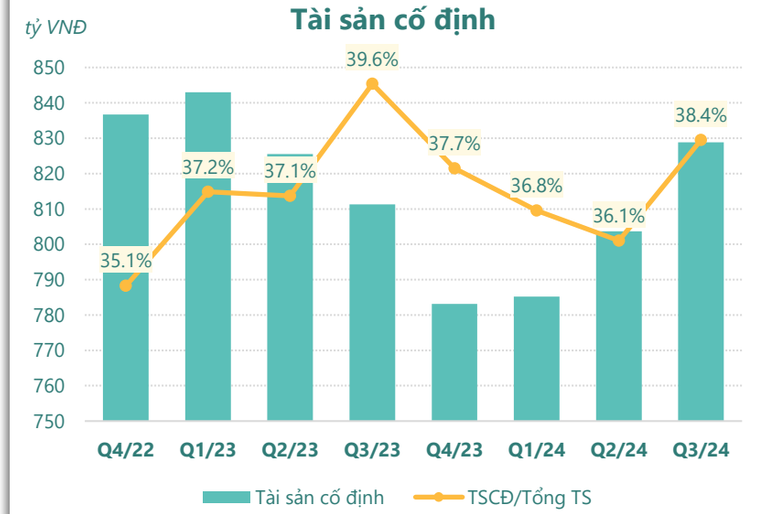
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



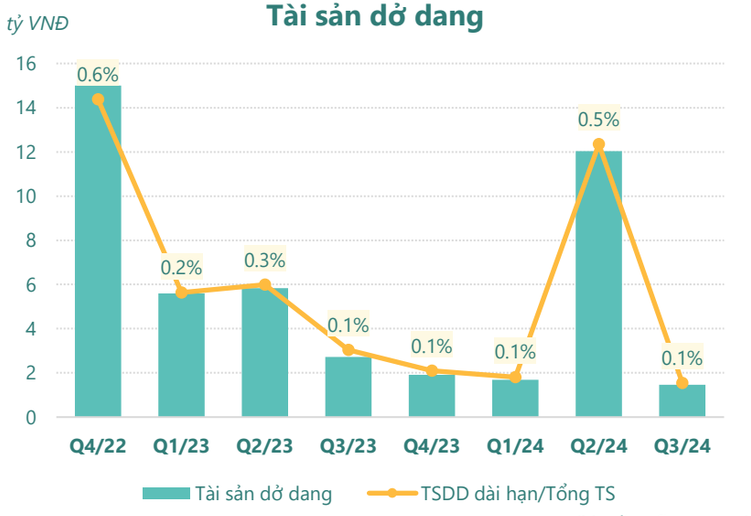
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



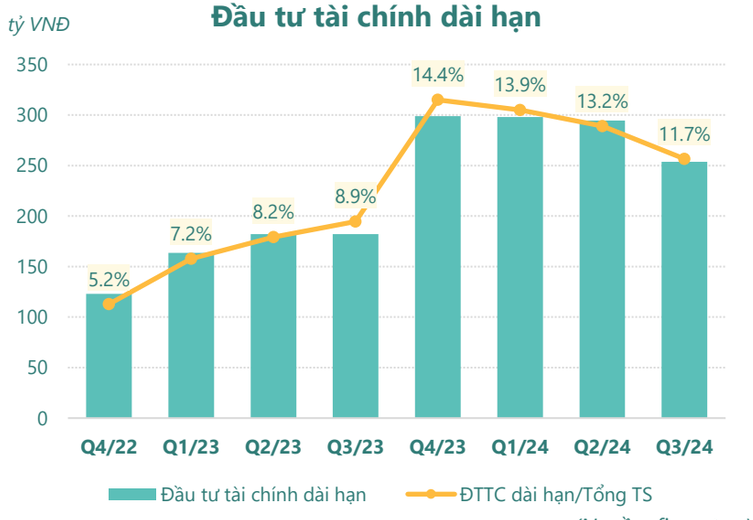
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



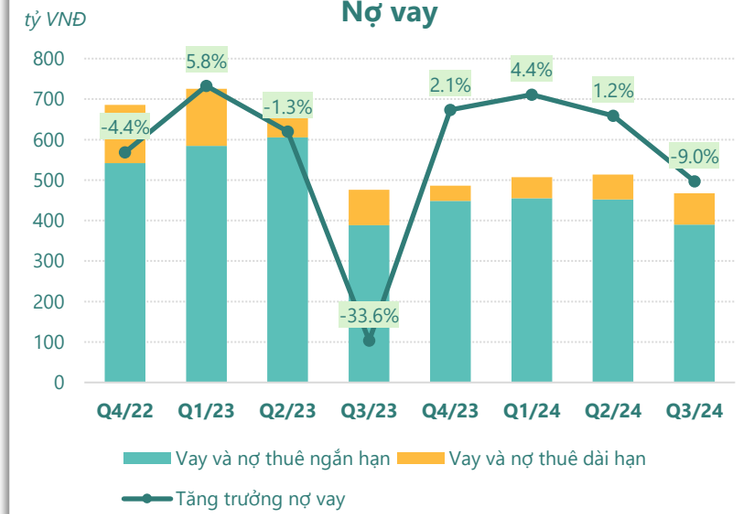
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

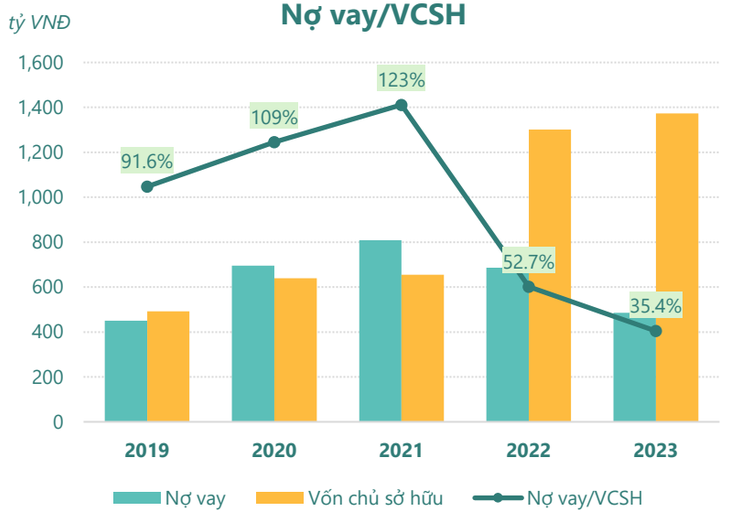
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

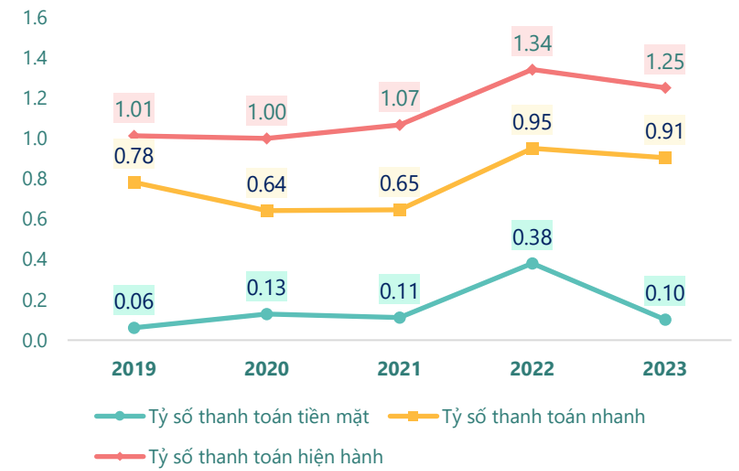
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



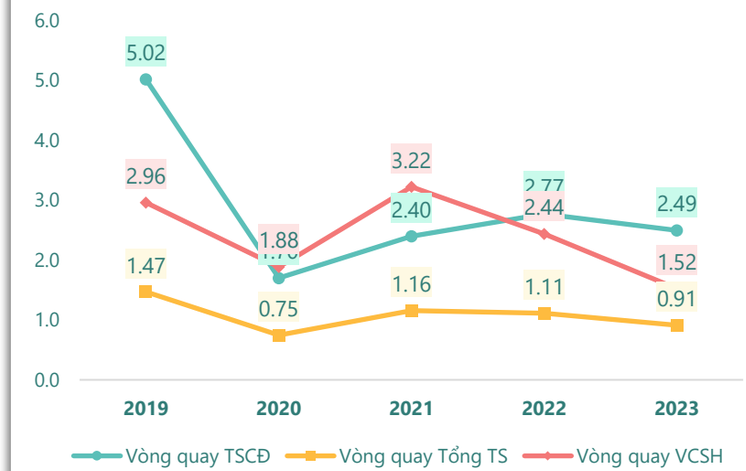
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



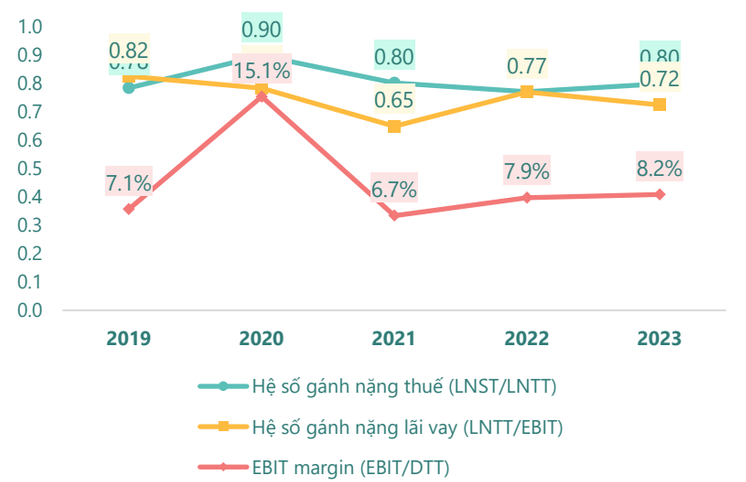
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



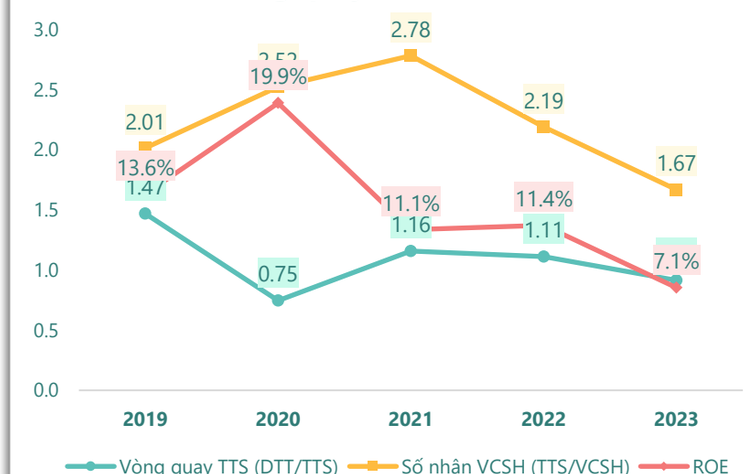
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



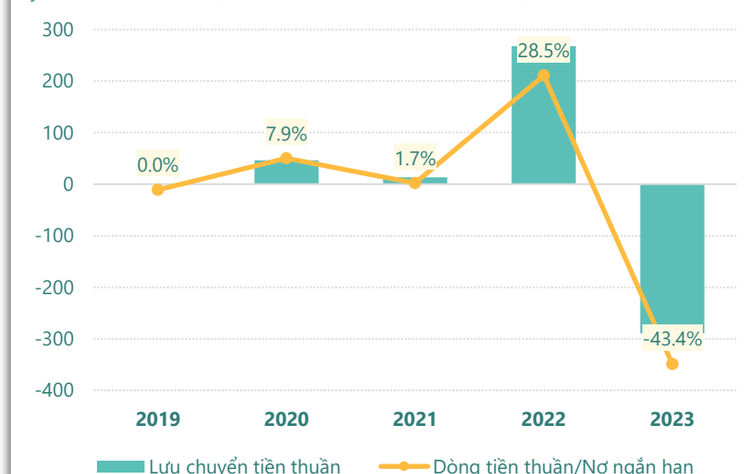
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**551**	**489**	**12.6%**	**1,500**	**1,525**	**-1.6%**
Giá vốn hàng bán	444	427	3.9%	1,207	1,310	-7.8%
Lợi nhuận gộp	107	62.0	72.8%	293	215	35.9%
Doanh thu HĐTC	4.57	7.00	-34.8%	22.9	24.5	-6.4%
Chi phí TC	6.68	10.3	-35.2%	18.1	39.6	-54.3%
Chi phí lãi vay	5.87	10.1	-41.9%	16.2	36.8	-56.1%
LN trong công ty LKLD	**-40.0**	**-0.09**	**-44399%**	**-43.1**	**-6.14**	**-603%**
Chi phí bán hàng	38.5	21.0	83.5%	98.3	69.1	42.2%
Chi phí QLDN	**21.6**	**17.4**	**24.2%**	**59.8**	**52.3**	**14.3%**
LN thuần từ HĐKD	4.81	20.2	-76.2%	96.2	72.6	32.5%
Lợi nhuận khác	**0.42**	**1.55**	**-72.7%**	**1.44**	**2.49**	**-42.1%**
LN trước thuế	5.23	21.8	-76.0%	97.6	75.1	30.0%
Lợi nhuận sau thuế	**6.09**	**17.0**	**-64.2%**	**81.5**	**57.8**	**41.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.57**	**16.5**	**-66.3%**	**79.6**	**57.3**	**38.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	80.6	153	92.1	40.8	48.2	23.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.87	66.5	-121	-7.17	9.70	33.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.5	-239	9.95	6.17	5.02	-82.0
Tiền đầu kỳ	68.6	107	86.6	68.3	108	171
Lưu chuyển tiền thuần	**38.0**	**-20.0**	**-18.7**	**39.8**	**62.9**	**-25.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.46	0	0.40	-0.40
Tiền cuối kỳ	107	86.6	68.3	108	171	146

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,161**	**2,077**	**4.1%**
Tài sản ngắn hạn	932	834	11.7%
Tiền và tương đương tiền	146	68.3	113%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	200	-50.8%
Phải thu ngắn hạn	393	295	33.1%
Hàng tồn kho	253	231	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	41.7	39.7	5.2%
Tài sản dài hạn	**1,229**	**1,243**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	3.73	5.36	-30.4%
Tài sản cố định	829	799	3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.46	1.91	-23.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	254	299	-15.2%
Tài sản dài hạn khác	**142**	**138**	**2.9%**
Lợi thế thương mại	0	0.20	-100%
Nợ phải trả	758	703	7.7%
Nợ ngắn hạn	**680**	**666**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	390	449	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	173	126	36.7%
Nợ dài hạn	77.5	37.1	109%
Vay và nợ thuê dài hạn	77.5	37.1	109%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,403**	**1,373**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,403**	**1,373**	**2.2%**
Vốn điều lệ	729	729	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)